

## **Giáo hội Việt Nam đã phát triển thế nào qua 477 năm lịch sử truyền giáo của mình, 1533-2010 ?**

Bài nói chuyện với các linh mục và tu sĩ Việt Nam  
Ngày thứ ba, 30.06.2009  
Trong Đại Hội VIII, của Hội Liên Tu sĩ Việt Nam tại Pháp  
từ 29/06 đến 01/07/2009, tại GXVN Paris

### **II. GHVN đã lớn lên và trưởng thành**

Mục đích thứ hai mà Bản Nội Qui đã xác định cho Năm Thánh 2010 là : « *Nhìn lại lịch sử cùng với những thẩm định về đời sống Giáo Hội nhằm rút ra những bài học lịch sử cho việc thi hành sứ vụ yêu thương và phục vụ của Chúa Kitô, trong cộng đồng dân tộc cũng như cộng đồng thế giới hôm nay* » (14). Qua những dữ kiện của 3 thời kỳ lịch sử trên đây, phải định giá thế nào về đời sống Giáo Hội ? Nhiều thẩm định có thể được đưa ra, nhưng thẩm định nào cũng phải nhìn nhận rằng « Giáo Hội đã lớn lên và đã trưởng thành ».

#### **21. Giáo hội đã lớn lên từ thời tông tòa**

##### **211. Lớn lên trước nhất là lớn lên về lượng.**

Bảng sau đây, qua những con số liên can đến số giáo dân, giáo phận, giáo sĩ, tu sĩ,... sẽ mô tả rõ rệt và khách quan sự lớn lên này, qua 3 thời kỳ Bảo Hộ, Tông Tòa và Chính Tòa

	<b>Thời Bảo Trợ 1533-1659</b>	<b>Thời Tông Tòa 1659-1960</b>	<b>Thời Chính Tòa 1960-2010 (15)</b>
Giáo dân	100.000	2.096.540	6.087.659
Giáo phận	0	từ 2 đến 17	từ 20 đến 26
Giáo sĩ	Không quá 100 giáo sĩ truyền giáo, trong đó 64 linh mục dòng Tên	Cả ngàn giáo sĩ truyền giáo, trong đó 956 linh mục Thừa sai Hải ngoại Paris  23 giám mục (tất cả 18 gm việt nam) 1914 linh mục	2 hồng y (tất cả 5 hồng y) 2 tổng giám mục 38 giám mục (tất cả 99 gm việt nam) 3510 linh mục

Tu sĩ	6 trợ sĩ dòng Tên	5.789 tu sĩ	14.968 tu sĩ

## 212. Lớn lên thứ đến là lớn lên về chức vụ

Tiếp theo sự lớn lên về số lượng, thường có sự lớn lên về phẩm chất, nhờ vào phát triển các chức vụ, hay phương tiện. Năm khía cạnh chức vụ phương tiện hay được nhắc đến để phân tích sự phát triển của một tổ chức là : chất liệu, nhân sự, cơ sở vật dụng, phương pháp dụng cụ, môi trường (biểu đồ Ishikawa). Chức vụ nào cũng phát triển, cả lượng lẫn phẩm.

212a. Chức vụ chất liệu, nhận diện người lương dân mà mình có trách nhiệm mang Tin Mừng cho họ. Để trở thành giáo dân công giáo Việt Nam, trước đó, giáo dân Việt Nam đã là Việt Nam ; và sau đó, khi đã là công giáo Việt Nam, họ vẫn là Việt Nam. Số người mà giáo hội có sứ mệnh loan báo Tin Mừng cho họ ở Việt Nam là người Việt Nam. Số người Việt Nam tăng lên rất nhiều và gồm đủ mọi hạng người, trình độ, tuổi tác, tính tình,... Năm 1960 chỉ có 29.200.000. Năm 2007 đã tăng lên gần gấp ba, đến 85.154.900. Theo cái nhìn truyền giáo, trong đó 4 thành phần chính yếu của giáo hội địa phương là giám mục chính tòa, linh mục quản xứ, giáo dân và lương dân, thì lương dân Việt Nam tăng lên càng ngày càng đông. Nhiệm vụ truyền giáo của tín hữu càng ngày càng lớn.

212b. Chức vụ nhân sự, giúp tín hữu tăng khả năng làm việc truyền giáo, có tổ chức. Trong thời Bảo Trợ (1533-1659), Giáo hội Việt Nam căn bản chỉ có giáo dân, có thể là giáo dân quyền uy, như Công Chúa Mai Hoa (1591), Minh Đức Vương Thái Phi (1624),... Một số rất ít đã bắt đầu nghĩ đến đời sống tận hiến trong Hội Thầy Giảng, do cha Buzomi và Đắc Lộ thành lập, tuyên hứa sống độc thân, hy sinh trọn cuộc đời phục vụ Chúa và Giáo Hội, vâng phục các giáo sĩ và người đại diện.

Sang thời Tông Tòa (1659-1960), Giáo hội Việt Nam bắt đầu có giáo sĩ từ năm 1668, với 4 linh mục Việt Nam tiên khởi, tăng thêm 7 tân chức vào năm 1670. Cũng năm 1670, bắt đầu có các nữ tu Mến Thánh Giá, Qui chế Nhà Đức Chúa Trời, Nhà Chung thành hình. Và từ đầu thế kỷ XX một số giáo sĩ ở Việt Nam đã sáng lập dòng : Cha Gernot Quý và Ritter Giáo đã lập dòng Sư Huynh Kitô Vua Cái Nhum năm 1870, Đức cha J. Allys Lý lập dòng Con Đức Mẹ Vô Nhiễm Phú Xuân năm 1920, Cha J. Sion Khâm lập dòng Sư Huynh Thánh Giuse Nha Trang năm 1926, Cha Nguyễn Khắc Tước (Việt Anh) lập Tu Đoàn Tông Đồ Nhập Thể, Tận Hiến, Truyền Giáo năm 1949, Cha Trần Ngũ Nhạc lập Tu Hội Chúa Giêsu năm 1950, Cha Trần Đình Thủ lập dòng Đồng Công năm 1953, Cha Vũ Khoa Cử lập Tu Hội Nhà Chúa năm 1956, Cha Vũ Khánh Tường lập Tu Hội Đắc Lộ

năm 1957, Cha Đào Tiến Tình lập Tu Hội Gia Đình Na Gia năm 1964, Cha Đào Duy Du lập Tu Hội Nhà Chúa Thánh Gioan Tiên Sứ năm 1974, ...

Ngoài ra, theo nhịp phát triển, nhiều dòng tu Âu châu đã đến hỗ trợ việc truyền giáo ở Việt Nam. Không kể những dòng tu đã có mặt ở Việt Nam là Đaminh (1580), Phanxicô (1583), dòng Tên (1615), Thừa sai Hải ngoại Paris (1664) ; Lần lượt nhiều dòng tu khác đã được mời đến Việt Nam : Nữ tu thánh Phaolô (1860), Nữ Đan sĩ Carmel (1861), Su huynh Lasan (1866), Nữ tu Chúa Quan Phòng Portieux (1876), Nữ tử Đức Bà Truyền giáo (1924), Chúa Cứu Thế (1925), Nữ tử Bác ái thánh Vincent de Paul (1928),...

Đầu thế kỷ XX bắt đầu có giám mục Việt Nam : GB Nguyễn Bá Tòng (1933), Dominicô Hồ Ngọc Cẩn (1935), Phêrô Ngô Đình Thục (1938), Gioan Phan Đình Phùng (1940), Tadêô Lê Hữu Từ (1945), Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi (1950), Giuse Maria Trịnh Như Khuê (1950), Dominicô Hoàng Văn Đoàn (1950),...

212c. Chức vụ cơ sở vật dụng, liên hệ đến các cơ sở và phương tiện vật chất, cần thiết cho việc truyền giáo. Tin mừng được rao giảng đến đâu, thì các cơ sở vật chất cần thiết, như thánh đường, trường học, nhà thương... đều đã được xây cất. Nhưng, lúc đầu, vì thiếu phương tiện, các cơ sở đều được xây cất tạm bợ, và đa số đã bị phá hủy trong thời cấm đạo. Bắt đầu cuối thế kỷ XIX, nhiều cơ sở vững chắc đã được xây cất : Chung viện Sài Gòn 1861, Ấn quán Tân Định 1864, Nhà Thờ Đức Bà Sài Gòn 1880, Nhà thờ chính tòa Hà Nội 1887, Trường Taberd Sài Gòn 1889, Nhà thờ Phát Diệm 1895, Đền Đức Mẹ Lavang 1900, Trung học Thiên Hựu 1933, ...

212d. Chức vụ phương pháp, liên hệ đến những phương pháp, thủ tục giữ đạo và truyền đạo. "*Bản chất Hội Thánh được thể hiện qua một trách nhiệm có ba mặt : rao giảng Lời Chúa (kerygma-martyria) cử hành các Bí tích (leiturgia), phục vụ bác ái (diakonia) (16). Ba mặt trách nhiệm này vẫn thường được thực hiện và nhắc nhở thường ngày. Tham dự thánh lễ hàng ngày, nhất là Chúa nhật, với những kinh sách kèm theo, cũng như lãnh nhận các bí tích, đặc biệt là hai bí tích Mình Thánh Chúa và giải tội đã là một phương thức hữu hiệu bảo vệ đức tin. Hai việc khác đã được Giáo hội Việt Nam, hiệp thông cùng Giáo hội hoàn vũ, mà khích lệ và phát triển là việc biên soạn, phổ biến tài liệu và việc tổ chức các công đồng chỉ đạo hướng dẫn.*

Phép giảng tám ngày (1651), Thánh giáo yếu lý quốc ngữ (1802), Thánh giáo kinh nguyện (1845), Giảng bảy phép cực trọng Sa-ca-ra-men-tô (1865), Sách dẫn đường giữ đạo (1866), Giáo lý châu nhưng (1882),... đã là những thư liệu giúp giáo dân hiểu đạo và sống đạo. Bên cạnh những thư liệu, là những thơ chung của các giám mục, đặc biệt là các đức cha Colombert, Miche, Gendreau, ....

Công đồng Ayuthia (1664) chỉ cho nhà truyền giáo cách sống đời tu đức, cách giảng đạo và cách tổ chức giáo hội địa phương, công đồng Phố Hiến (1670) và Hội An (1672) nhắc lại những điều căn bản của công đồng Ayuthia. Công đồng Gò thị (1841) chú tâm tới việc truyền giáo, huấn luyện và nâng cao trình độ giáo sỹ. Công đồng Nam Kỳ tại Sài

gồm 1880 lấy những quyết định về 4 lãnh vực : giáo sĩ, trường học và chủng viện, truyền bá đức tin, việc coi sóc các linh hồn. Công đồng Bắc Kỳ tại Kẻ Sặt 1900 bàn về 4 vấn đề : nhân sự, tài sản, các bí tích và điều hành họ đạo. Công đồng Đông dương tại Hà Nội (1934) thảo luận rộng rãi về 5 vấn đề qua dự án của 5 ủy ban : nhân sự và chức vụ, hàng giáo sĩ địa phương và việc đào tạo, bí tích và phụng vụ, bảo vệ và truyền bá đức tin, quản trị tài sản.

212e. Chức vụ môi trường liên hệ đến những hoàn cảnh chính trị, văn hóa, xã hội, trong đó giáo hội sinh sống và phát triển. Hoàn cảnh tốt là tín hữu không bị cấm cản, bách hại, cũng không bị cám dỗ lôi cuốn bỏ đạo. Đây là hoàn cảnh tương đối hiếm khi xảy ra trong đời sống tín hữu. Đức Kitô, đáng sáng lập giáo hội, đã gặp hai hoàn cảnh bất lợi : hoàn cảnh bị cám dỗ về ăn uống, chức quyền, vinh hoa, sau khi vừa ăn chay 40 đêm ngày (Math, ch IV) ; và hoàn cảnh bị đối nghịch, ganh tỵ, ghét ghen, đánh đòn và tử hình (Math, ch. XXVI, XXVII). Tín hữu Việt Nam cũng đã được tôi luyện qua hai môi trường đối nghịch này. Trong 4 thế kỷ đầu, từ XVI đến XIX, có thể bảo rằng tín hữu công giáo đã phải sống trong môi trường đối nghịch, ganh tỵ, ghét ghen, bắt bớ, giết hại. Nhờ ơn Chúa, nhiều người đã chiếm được phần thắng, vì đã can đảm xưng đức tin. Ngung từ thế kỷ XX, với sự phổ biến văn hóa vật chất chủ trương tự do phóng túng, với những dôi dào của tiện nghi, hấp dẫn của thú vui hưởng thụ, một môi trường mới đang quyến rũ, cám dỗ người tín hữu, lôi kéo họ theo bả phú quý, vinh hoa, bất chính, bất lương. Môi trường mới này hại đạo một cách tinh vi hơn, khó biết hơn. Vượt được những thử thách này sẽ làm cho tín hữu trưởng thành hơn và giáo hội phát triển hơn !

## **22. Giáo Hội đã trưởng thành từ thời Chính Tòa (1960-2010)**

Năm nét nổi bật diễn tả sự trưởng thành : độc lập và toàn quyền quyết định, hiệp thông với nhau, mở ra với bên ngoài, công việc thực hiện đa dạng và hệ thống tổ chức công việc đa phương.

221. Từ ngày 24.11.1960, Giáo Hội Việt Nam đã chuyển sang một thời kỳ mới : thời kỳ Chính Tòa, theo đó, **các giám mục có toàn quyền cai quản giáo phận của mình**. Lúc đầu 2 trên 20 vị là ngoại quốc. Ngày nay, tất cả các vị đều là Việt Nam. « Ở trong giáo phận đã được giao phó, Giám Mục giáo phận có mọi quyền hành thông thường, riêng biệt và trực tiếp, cần có để thi hành nhiệm vụ mục vụ của ngài, ngoại trừ những vụ mà pháp luật hoặc sắc luật của Đức Thánh Cha đã dành lại cho quyền bính tối cao hoặc một quyền bính nào khác trong Giáo Hội » (GL, 381).

222. **Các giám mục của 26 địa phận hiệp thông trong Hội Đồng Giám Mục Việt Nam**, đưa ra một đường hướng chung cho 26 giáo phận, viết thư chung hướng dẫn giáo dân sống đạo, lập các Ủy Ban Giám mục, chuyên biệt hoạt động trong 16 Ủy Ban Giám Mục

chuyên biệt, mở Đại Hội Dân Chúa vào Năm Thánh 2010, để « xây dựng một Giáo Hội hiệp thông, Giáo Hội tham gia và Giáo Hội vì loài người ».

223. Giáo hội Việt Nam không chỉ nhìn vào Giáo Hội Việt Nam với những giáo dân và lương dân của mình, mà còn mở ra với bên ngoài : với giáo hội trung ương Rôma và hoàn vũ

- Bắt đầu có Hồng Y : Trinh Như Khuê, Trịnh Văn Căn, Phạm Đình Tụng, Nguyễn Văn Thuận, Phạm Minh Mẫn
- Lập tổ chức Hội Đồng Giám Mục, với các Ủy Ban Giám Mục chuyên môn
- Được có 117 hiến Thánh Tử Vì Đạo
- Các giám mục được đi « ad limina » tại Vatican đều đặn hơn
- Nhiều linh mục tham gia giáo triều Roma
- Giám mục (Đc Thuận) Việt Nam được bổ nhiệm Chủ Tịch Hội Đồng Giáo Hoàng Công Lý và Hòa Bình
- Giám mục tham gia Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế Giới, Liên Hội Đồng Giám Mục Á Châu,
- Giám mục Việt Nam (Đc Tốt) được bổ nhiệm làm Sứ Thần Tòa Thánh
- Nhiều linh mục và tu sĩ Việt Nam làm mục vụ, hay đi truyền giáo trên khắp các nước trên thế giới.

224. Những công việc thực hiện hàng ngày cũng là một dấu chỉ khác, biểu lộ sự trưởng thành của một tổ chức hay của một người. Ngoài việc ban phát bí tích và thánh hóa các giáo hữu trong các xứ đạo, Giáo Hội Việt Nam còn rất hăng hái trong việc giảng đạo cho lương dân bằng văn hóa, giáo dục và xã hội. Rất nhiều phong trào công giáo tiến hành đã được thành lập từ sau thế chiến thứ hai : Thiếu nhi Thánh Thể, Hùng Tâm Dũng Chí, Hướng Đạo Công Giáo, Thanh sinh công, Sinh viên công giáo, Phong trào trí thức công giáo Pax Romana, Hội các bà mẹ công giáo, Con Đức Mẹ, Đạo Binh Đức Mẹ, Hiệp hội Thánh Mẫu, Hội Thánh Tâm, Đoàn thể Phạt Tạ, Hiệp hội giáo chức công giáo, Liên đoàn công tư chức công giáo,...

Từ cuối thế kỷ XIX và nhất là từ đầu thế kỷ XX, Giáo Hội Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ các phương tiện giáo dục, xã hội, văn hóa. Giáo dục bằng việc mở trường học, từ mẫu giáo, tiểu học, trung học và đại học. Vào năm 1967, trong hai giáo tỉnh Huế và Sài Gòn, có 1.406 trường tiểu học qui tụ 311.000 học sinh, 188 trường trung học qui tụ 254.801 học sinh, 1 viện Đại Học Đà Lạt. Năm 1970, mở thêm 2 đại học khác : Viện Đại Học Minh Đức Sài Gòn do Lm Bửu Dưỡng và Viện Đại Học Thành Nhân Sài Gòn do các sư huynh Lasan (17).

Xã hội bằng việc mở các cơ sở bác ái, như nhà thương, trại cùi, cô nhi viện, viện dưỡng lão. Năm 1969, trong hai giáo tỉnh Sài Gòn và Huế, có 41 bệnh viện với 7000 giường, 239 trạm phát thuốc, 36 nhà hộ sinh, 9 trại cùi với 2.500 bệnh nhân, 82 cô nhi viện với 11.000 trẻ mồ côi, 29 viện dưỡng lão (18).

Ngày nay, một tín hữu công giáo việt nam có thể làm tất cả những điều mà bất cứ tín hữu nào của các địa phận chính tòa đã làm. Họ có thể làm giáo dân hay làm tu sĩ, giáo sĩ. Nếu chọn làm giáo dân, họ có thể tham gia Hội Đồng Mục Vụ, làm công giáo tiến hành, làm giáo dục, nghiên cứu, văn hóa, làm xã hội, kinh tế, chính trị,... Nếu chọn làm tu sĩ hay giáo sĩ, họ có thể « đi tu », làm linh mục sinh hoạt mục vụ với giáo dân, hay làm những công việc mục vụ chuyên biệt, như giáo dục, xã hội, truyền thông, nghiên cứu, làm giám mục (với đức cha Bản, đã có 99 giám mục việt nam), tham gia giáo triều Rôma, làm truyền giáo trên khắp thế giới,...

225. Cách tổ chức đa phương và đa diện cũng là một dấu chỉ trưởng thành khác biểu lộ khả năng biến báo, thích ứng và quản trị.

Trên phương diện quản lý giáo hội, ta có thể nhìn ra 4 thành phần có chức phận quan trọng : **giám mục, linh mục chính xứ, giáo dân và lương dân**. Để thực hiện sứ mệnh căn bản của mình là mang tin mừng cho lương dân, từ một tổ chức hành động thứ bậc (organisation hiérarchique) hành dọc, một tổ chức thứ bậc hàng ngang đã dần dà được áp dụng.

Tổ chức thứ bậc hàng dọc	Tổ chức thứ bậc hàng ngang
Giám mục	Giám mục →
Linh mục	Linh mục →
Giáo dân	Giáo dân →
Lương dân	Lương dân

Từ ngày thành lập HĐGM, với việc thành lập các Ủy Ban Giám Mục, Giáo hội Việt Nam đã đưa ra một phương pháp làm việc mới theo tổ chức lãnh vực thực hiện (chuyên biệt), hay dự án (organisation opérationnelle / par projet). Ở cấp địa phận, nhiều giám mục cũng lập ra những ủy ban linh mục và giáo dân chuyên biệt. Ở cấp xứ đạo, nhiều cha sở cũng lập ra những ủy ban, hội đoàn công giáo tiến hành chuyên biệt. Một số cha sở và giám mục làm việc trong những đơn vị lớn, đã nhìn ra sự cần thiết của tổ chức chức năng phương tiện (organisation fonctionnelle de moyens) và trao cho những cơ quan chuyên biệt lo về quản trị phương tiện vật chất, quản trị phương pháp, quản trị nhân viên, quản trị tài chánh,...

Ngày Mai:

III : Nhìn Tới Tương Lai